



Mobil DTE 10 Excel™ Series

Dầu thủy lực hiệu suất cao dành cho các hệ thống thủy lực hiện đại

Tính năng sản phẩm

Dầu thủy lực Mobil DTE 10 Excel™ Series được pha chế giúp giảm thiểu lượng tiêu thụ điện năng và đáp ứng các yêu cầu của thiết bị cao áp ngày nay. Dòng sản phẩm công nghệ tiên tiến này giúp cung cấp:

- Bảo vệ thiết bị và hạn chế tình trạng hỏng hóc
- Tăng thời gian sử dụng dầu nhớt và phin lọc
- Hiệu suất thủy lực của sản phẩm vượt trội hơn so với tiêu chuẩn dòng sản phẩm Mobil DTE™ 20 Series



Dầu bôi trơn Mobil DTE 10 Excel Series cung cấp lợi ích về hiệu suất bơm thủy lực lên đến 6% so với dầu thủy lực tham chiếu điển hình trong thử nghiệm (controlled bench testing).

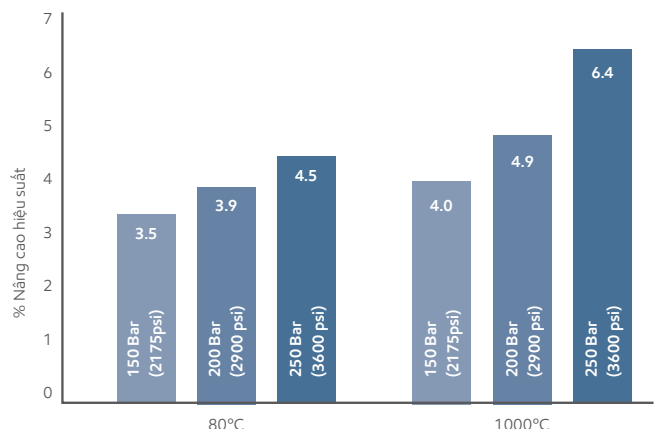
Lợi ích sản phẩm

Dầu thủy lực Mobil DTE 10 Excel™ Series không chứa kẽm giúp mang lại:

- 1 Giảm thiểu chi phí hoạt động và bảo trì
- 2 Tối ưu hóa thời gian giữa những lần thay dầu và phin lọc
- 3 Nâng cao tuổi thọ chi tiết máy
- 4 Cung cấp sự khởi động và bảo vệ bơm đáng tin cậy ở phạm vi nhiệt độ rộng

Hiệu suất thủy lực - bench test

Tất cả kết quả về hiệu suất của Mobil DTE 10 Excel

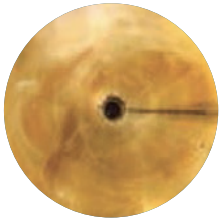


* Hiệu quả năng lượng của Mobil DTE 10 Excel™ chỉ liên quan đến hiệu suất của dầu này khi so với các dầu thủy lực thương hiệu Mobil thông thường. Công nghệ này cho phép tăng khoảng 6% hiệu suất bơm thủy lực so với Mobil DTE™ 20 Series khi được thử nghiệm trong các ứng dụng tiêu chuẩn dưới những điều kiện có kiểm soát. Yêu cầu hiệu suất năng lượng này đối với sản phẩm được dựa trên kết quả thử nghiệm về việc sử dụng dầu nhớt này được tiến hành phù hợp với mọi tiêu chuẩn và quy định ứng dụng công nghiệp. Các kết quả có thể khác nhau tùy theo điều kiện và thiết bị hoạt động.

Mobil DTE 10 Excel™ Series

Hiệu suất giữ sạch

Trong yêu cầu thử nghiệm MHFD độc quyền, dầu thủy lực Mobil DTE 10 Excel™ Series đã được sử dụng lâu hơn và giữ hệ thống sạch hơn gấp 3 lần so với các dầu thủy lực gốc khoáng cạnh tranh khác.



Đối thủ cạnh tranh hàng đầu
750 giờ



Mobil DTE 10 Excel Series
2,500 giờ

Dầu nhớt Mobil DTE 10 Excel Series sử dụng lâu hơn so với dầu thủy lực thông thường lên đến **3X***

*Dựa trên thử nghiệm Độ bền Dầu Thủy Lực Mobil™ - Mobil™ Hydraulic Fluid Durability (MHFD).

Đặc tính tiêu biểu

Mobil DTE 10 Excel	15	22	32	46	68	100	150
Cấp độ nhớt ISO	15	22	32	46	68	100	150
Độ nhớt, ASTM D 445							
cSt @ 40°C	15.8	22.4	32.7	45.6	68.4	99.8	155.6
cSt @ 100°C	4.07	5.07	6.63	8.45	11.17	13.00	17.16
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	168	164	164	164	156	127	120
Độ nhớt Brookfield ASTM D 2983, cP @ -20°C			1090	1870	3990	11240	34500
Độ nhớt Brookfield ASTM D 2983, cP @ -30°C			3360	7060	16380	57800	
Độ nhớt Brookfield ASTM D 2983, cP @ -40°C	2620	6390	14240	55770			
Ổ lăn côn (CEC L-45-A-99), % độ nhớt suy giảm	5	5	5	7	11	7	7
Tỷ trọng ở 15°C, ASTM D 4052, kg/L	0.8375	0.8418	0.8468	0.8502	0.8626	0.8773	0.8821
Ăn mòn lá đồng, ASTM D 130, 3 giờ ở 100°C	1B	1B	1B	1B	1B	1B	1B
Thử bánh răng FZG, DIN 51354, Bước hồng	-	-	12	12	12	12	12
Điểm đông đặc, °C, ASTM D 97	-54	-54	-48	-45	-39	-33	-30
Điểm chớp cháy, °C, ASTM D 92	182	224	250	232	240	258	256
Dãy tạo bọt I, II, III, ASTM D 892, ml	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0	20/0
Điện áp đánh thủng, kV, ASTM D877	45	54	49	41			
Độc tố cấp tính ở thủy sinh (LC-50, OECD 203)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt